TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2019/DS-ST
Ngày: 23-7-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Bà Trần Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Không.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị K, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1B, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

Địa chỉ liên lạc: Số 6/18 ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 07, đường số 53, ấp C, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/01/2019, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị K trình bày:

Bà làm nghề cưa cây mướn ở ấp T, xã T, huyện Củ Chi và có quen với ông Nguyễn Trường G. Ông G có xin số điện thoại của bà để có cưa cây thì ông G điện thoại cho bà, đến ngày 10/10/2018, ông G nói thiếu tiền mua đám cây lớn và năn nỉ bà cho mượn tiền, bà phải đi vay mượn để có số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi

triệu đồng) cho ông G mượn, bà có làm giấy mượn tiền với ông G, trong giấy mượn tiền ông G hứa đúng 30 ngày sẽ trả lại tiền cho bà. Chiều ngày 10/10/2018, do ông G năn nỉ quá nên bà cho ông G mượn tiếp 11 (Mười một) chỉ vàng 24K và 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lần này không ghi giấy tờ.

Từ ngày mượn tiền ông G không trả cho bà được số tiền nào mà cố tình tránh né, hẹn lần hẹn lượt, ngày 30/12/2018, ông G làm giấy nợ cho bà và ghi tổng số nợ ông G còn nợ là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), lẽ ra tổng số tiền và vàng bà cho ông G mượn là hơn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nhưng vì muốn ông G trả tiền, ông G ghi 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) bà cũng chịu, trong giấy nợ ông G hẹn đến ngày 07/01/2019 sẽ trả đủ, tuy nhiên cho đến nay ông G vẫn không trả được đồng nào. Vì vậy bà bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông G phải trả cho bà số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

* Bị đơn là ông Nguyễn Trường G vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 08/01/2019, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay tổng cộng là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng), đây là các quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại số 07, đường số 53, ấp C, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông G theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Võ Thị K yêu cầu ông Nguyễn Trường G trả số tiền gốc là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 30/12/2018.

Tại Giấy mượn tiền ngày 10/10/2018, ông G có ký tên mượn của bà K số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), đối với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và 11 (Mười một) chỉ vàng 24K ông G mượn bà K vào chiều cùng ngày tuy không có giấy tờ nhưng đến ngày 30/12/2018, ông G có làm Giấy mượn tiền có nội dung ghi nhận thời điểm vay tiền, tổng số tiền vay, thời điểm trả tiền, không ghi lãi suất, có ký tên của ông Nguyễn Trường G, bà K chỉ yêu cầu ông G trả số tiền tổng

cộng là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền này, xét ông G đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông G không đến, do vậy Hội đồng xét xử chỉ xét các chứng cứ do bà K cung cấp, như vậy Giấy mượn tiền ngày 30/12/2018 là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc ông G không trả tiền cho bà K theo đúng cam kết ghi trong Giấy mượn tiền ngày 30/12/2018 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó yêu cầu thanh toán nợ gốc của bà K là có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời lãi suất phát sinh nếu ông Giang chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sẽ được tính theo quy định của pháp luật tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bởi nghĩa vụ này phát sinh kể từ thời điểm bà K có đơn yêu cầu thi hành án.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông G phải chịu án phí dân sự tính trên giá ngạch của số tiền vay phải trả cho bà K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3, Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 466 và Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Trường G phải chịu trách nhiệm trả cho bà Võ Thị K số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông G chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trường G phải chịu án phí là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm

ngàn đồng);

- Hoàn lại cho bà Võ Thị K số tiền 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) bà K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0015784 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi,

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

3. Bà Võ Thị K có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Trường G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA